

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473 /2025/DS-PT
Ngày: 24-7- 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 936/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Văn Thị Cẩm D**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng Thượng, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Nay là Ấp Bình Hưng Thượng, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà **Trương Thị Thu Y** (Tên thường gọi: **Trương Thị Thu H**), sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp An Quới, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Nay là xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 41/4 Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, Phường 6, thành phố Mỹ

Tho, tỉnh Tiền Giang.

Nay là phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/11/2024).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Văn Thị Cẩm D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm D trình bày: Ngày 17/6/2023, bà Trương Thị Thu Y có vay của chị Văn Thị Cẩm D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để kinh doanh mua bán thịt heo tại chợ B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Bà Y hẹn 01 tuần sau sẽ trả tiền vốn lại cho chị D. Bà Y có viết biên nhận cho chị D thể hiện số tiền đã vay 50.000.000 đồng, đồng thời bà Y ký tên, ghi họ tên vào văn bản với tên thường gọi của bà Y là “Trương Thị Thu H”. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, mặc dù đến hạn nhưng bà Y chưa thanh toán cho chị D số tiền nợ gốc như đã thỏa thuận. Do đó, chị D khởi kiện yêu cầu bà Y trả cho chị D số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, chị D không còn yêu cầu nào khác.

Ngày 06/7/2023, chị D có tham gia 01 phần hội do chị Nguyễn Thị Thảo H1 (sinh năm 1989, địa chỉ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) là đầu thảo, loại hội 5.000.000 đồng/tháng. Sau khi tham gia hội, bà Y và chị D thỏa thuận bà Y sẽ chịu trách nhiệm đưa tiền cho chị D đóng tiền hội hàng tháng nhằm cản trừ nợ. Sau đó, chị D bán phần hội lại cho bà Trương Thị Thanh T (sinh năm 1966, địa chỉ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) với số tiền hơn 42.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc bán hội để cản trừ nợ này không liên quan đến số nợ 50.000.000 đồng giữa hai bên. Bởi vì, ngoài số tiền 50.000.000 đồng bà Y đã vay từ chị D vào ngày 17/6/2023, bà Y còn có khoản nợ 20.000.000 đồng với chị D và một giao dịch hội loại 790.000 đồng/ngày.

Theo văn bản trình bày ý kiến và quá trình tố tụng, bị đơn bà Trương Thị Thu Y có người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Ngọc P trình bày:

Bà Trương Thị Thu Y xác định có vay của chị D số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 17/6/2023 và có ký tên Trương Thị Thu H trên văn bản mà chị D cung cấp, trong đó Trương Thị Thu H là tên thường gọi của bà Y. Tuy nhiên, bà Y đã trả cho chị D hoàn tất số nợ thông qua việc chị D tham gia hội do chị H1 làm đầu thảo đối với phần hội loại 5.000.000 đồng/tháng mở vào ngày 06/7/2023. Bà Y đưa tiền cho chị D đóng tiền hội hàng tháng. Sau đó, chị D bán phần hội cho bà T với số tiền 42.220.000 đồng, để cản trừ toàn bộ số nợ 50.000.000 đồng. Đồng thời, ngoài số tiền nợ này giữa bà Y và chị D không còn khoản nợ nào khác. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, bà Y không đồng ý.

Người làm chứng bà Trương Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thảo H1 cung cấp thông tin, xác nhận: Chị H1 là đầu thảo hội, bà T là người mua hội từ

chị D, loại hui 5.000.000 đồng/tháng, dây hui gồm 26 phần với 22 hui viên, trong đó chị D tham gia 03 phần (của chị D 01 phần và 02 phần chị D trình bày là tham gia để cản trừ nợ với bà Y). Sau khi tham gia được 07 kỳ, chị D bán 02 phần hui cho bà T với số tiền 42.000.000 đồng. Người đứng ra giao dịch trực tiếp với chị H1, bà T là chị D. Chị H1, bà T không liên hệ gì với bà Y, đồng thời không biết thông tin nợ hay nội dung thỏa thuận cản trừ nợ giữa bà Y và chị D như thế nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi ý kiến, đồng ý trả cho chị D số tiền chênh lệch còn lại là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Tại Bản án dân sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Cẩm D, buộc bà Trương Thị Thu Y trả cho chị Văn Thị Cẩm D số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Cẩm D về việc buộc bà Trương Thị Thu Y trả số tiền 42.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, nguyên đơn Văn Thị Cẩm D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu bà Trương Thị Thu Y trả cho tôi số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền vay 50.000.000đồng, nguyên đơn chứng minh bằng tờ biên nhận nợ ghi ngày 17/6/2023 thể hiện chị Trương Thị Thu H nợ chị D số tiền 50.000.000đồng . Bị đơn Trương Thị Thu Y thừa nhận chị có tên gọi khác là Trương Thị Thu H. Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000đồng và trình bày đã giao cho nguyên đơn 02 phần hui sống để trừ 42.000.000 đồng, hiện còn nợ 8.000.000đồng, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì nguyên đơn kháng cáo bản án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Văn Thị Cẩm D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Trước hết đối với số tiền vay 50.000.000đồng được bị đơn thừa nhận và phù hợp với giấy biên nhận ghi ngày 17/6/2023 có chữ ký tên ghi họ tên của bị đơn. Xét thấy, đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét lời trình bày của bị đơn cho rằng đã giao trả cho nguyên đơn 02 phần hui sống để trừ số tiền 42.000.000đồng. Nguyên đơn thừa nhận có nhận 02

phần hội sống của bị đơn trị giá 42.000.000đồng nhưng để khấu trừ vào số nợ khác, không phải số nợ 50.000.000đồng đang tranh chấp. Xét thấy, bị đơn đã giao trả cho nguyên đơn 02 phần hội sống trị giá 42.000.000đồng là có thật, phù hợp với lời trình bày của chủ thảo hội và người mua 02 phần hội này (Bút lục số 29-30). Bị đơn không thừa nhận khấu trừ cho khoản nợ khác, nguyên đơn không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thì hành xong án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Văn Thị Cẩm D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (Nay là tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Cẩm D, buộc bà Trương Thị Thu Y trả cho chị Văn Thị Cẩm D số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Cẩm D về việc buộc bà Trương Thị Thu Y trả số tiền 42.000.000 đồng.

4. Án phí:

- Bà Trương Thị Thu Y phải nộp 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Văn Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung là 2.400.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0007932 ngày 03/10/2024 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008719 ngày 09/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên chị D còn phải nộp tiếp số tiền 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm - TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 2 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

